

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08/05/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lương Thanh Hải

2. Ông: Bùi Minh Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:*

Bà: Trương Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2025 giữa các đương sự:

Huyện B- Nguyên đơn: Chị Hà Thị B, sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện B, Thanh Hóa.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Thanh Tr, sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện B, Thanh Hóa.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2024, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Hà Thị B trình bày: Chị B và anh Hà Thanh Tr tự do tìm hiểu và tự nguyện cưới năm 2008, sau khi cưới về chung sống hai năm sau vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2010 tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tr thường xuyên uống rượu, chơi bài bạc, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nên anh Tr hay đánh đập, chửi bới chị. Chị và anh Tr đã ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay không

còn quan hệ tình cảm cũng như quan tâm gì đến nhau. mâu thuẫn đã đến mức trầm Tr, tình cảm cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Thanh Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Quốc A, sinh ngày 18/06/2008 và cháu Hà Thị Ánh T, sinh ngày 21/02/2010. Ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã trực tiếp đến gia đình anh Tr xác minh và giao nhận văn bản cho anh Tr nhưng do anh Tr bị ốm không đến Tòa án làm việc. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/02/2025 anh Tr trình bày:

Anh và chị B tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn năm 2008, đến ngày 23/3/2010 vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận không có mâu thuẫn trầm Tr gì. Đến tháng 06 năm 2024 thì chị B tự ý bỏ chồng và đi theo người đàn ông khác nên muốn ly hôn. Hiện nay chị B muốn ly hôn anh Tr không đồng ý do chị B tự bỏ đi.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Quốc A, sinh ngày 18/06/2008 và cháu Hà Thị Ánh T, sinh ngày 21/02/2010, các cháu muốn ở với ai tùy các cháu.

Về tài sản và nợ chung: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay Tr sức khỏe yếu nên không thể đến Tòa án làm việc, anh xin vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa.

Tại bản tự khai cháu Hà Quốc A có nguyện vọng muốn ở cùng anh Tr, cháu Hà Thị Ánh T muốn ở cùng chị B.

Tại phiên tòa vắng mặt các bên đương sự, chủ tọa phiên tòa cho công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn và toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Căn cứ điều 227, 228, 238 của BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 273 BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm. nộp lệ phí, án phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị B, xử cho chị B được ly hôn anh Hà Thanh Tr.

Về con chung: Giao cháu Hà Quốc A, sinh ngày 18/06/2008 cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu Hà Thị Ánh T, sinh ngày 21/02/2010 cho

chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Tr và chị B không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị B thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Tr có hộ khẩu ở huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị B và anh Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/3/2010 tại UBND xã V, huyện B nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị B cho rằng vợ chồng không hợp nhau, anh Tr thường xuyên uống rượu, chửi bới, đánh đập chị nên thường xuyên mâu thuẫn không thể hóa giải. Cuộc sống chung không có hạnh phúc, vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Sau khi ly thân thì không còn quan tâm đến nhau. Anh Tr cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn, tháng 6/2024 chị Biễm tự bỏ đi theo người khác nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thống nhất về nguyên nhân, nhưng việc anh Tr xác nhận chị B đã bỏ nhà đi, địa phương xác nhận vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do không hợp, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024. Vì vậy, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn trầm Tr, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B yêu cầu ly hôn anh Tr là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị B được ly hôn anh Tr.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Quốc A, sinh ngày 18/06/2008 và cháu Hà Thị Ánh T, sinh ngày 21/02/2010. Vợ chồng ly hôn chị B có nguyện vọng muốn trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh Tr có ý kiến là tôn Tr sự lựa chọn của các cháu, cháu Anh có nguyện vọng được ở cùng bố còn cháu T muốn ở cùng mẹ.

Xét nguyện vọng của vợ chồng và của các con. Xét thấy hiện nay cháu anh đang ở với anh Tr, cháu T đang ở với mẹ, ly hôn giao cháu Hà Quốc A, sinh ngày 18/06/2008 cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu. Giao cháu Hà Thị Ánh T, sinh ngày 21/02/2010 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu là phù hợp. Anh Tr và chị B không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị B và anh Tr có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

[5] Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị B được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị B được ly hôn anh Hà Thanh Tr.

Về con chung: Giao cháu Hà Quốc A, sinh ngày 18/06/2008 cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu Hà Thị Ánh T, sinh ngày 21/02/2010 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Tr và chị B không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị B và anh Tr có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Chị B và anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định của Pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Văn Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hà Văn Bình

Lò Văn Trục

Vũ Văn Nga

